

Bản án số: 326/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18/12/2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Chung

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thị Minh Khánh

ông Nguyễn Hồng Phương

-Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Yến Ngọc -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 18/12/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 256/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/10/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/11/2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Anh Đỗ Văn H; sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1990 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 25/6/2024 nguyên đơn anh Đỗ Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Đ có đăng ký kết hôn ngày 22/5/2008 tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là thị trấn P), huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh và chị Đ được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn thì vợ chồng về sống chung cùng gia đình anh. Năm 2022 chị Đ đi lao động tại Nhật Bản, ban đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng một khoảng thời gian sau thì vợ chồng ít liên lạc dần và ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm

trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi vợ chồng ở một nơi, không quan tâm tới nhau, bất đồng quan điểm sống và không còn tiếng nói chung. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Đ.

Về con chung: Anh và chị Đ có 02 con chung là cháu Đỗ Thanh H1, sinh ngày 12/7/2008 và cháu Đỗ Hồng T, sinh ngày 26/4/2010. Hiện nay các cháu đang ở với anh. Ly hôn anh đề nghị giao các con chung cho anh nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị chị Đ phải phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do tính chất công việc nên anh không tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị Đ, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các buổi công khai chứng cứ các phiên tòa xét xử tại Tòa án.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Đ hiện đang lao động tại nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với chị Đ, đến nay Tòa án không nhận được thông tin của chị Đ.

+Tòa án đã tiến hành làm việc với bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Đ. Bà Nguyễn Thị N trình bày: Tôi là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Đ, chị Đ hiện nay không có mặt tại địa phương, chị Đ hiện đang làm việc tại nước ngoài. Chị Đ ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình qua điện thoại. Về địa chỉ của chị Đ ở nước ngoài thì bà không được biết nên không cung cấp cho Tòa án án được. Về việc anh H có đơn xin ly hôn với chị Đ thì quan điểm của chị Đ là khi nào chị Đ về nước thì mới giải quyết việc ly hôn.

Vợ chồng chị Đ và anh H có 02 con chung là cháu Đỗ Thanh H1, sinh ngày 12/7/2008 và cháu Đỗ Hồng T, sinh ngày 26/4/2010, nếu phải ly hôn thì quan điểm của chị Đ là đồng ý giao các con chung cho anh H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị Đ không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

Tại biên bản ghi lời khai cháu Đỗ Thanh H1 và cháu Đỗ Hồng T đều trình bày: Cháu là con của bố Đỗ Văn H và mẹ Nguyễn Thị Đ, hiện nay các cháu đang ở với bố, nếu bố mẹ các cháu ly hôn thì nguyện vọng của các cháu là muốn ở với bố Đỗ Văn H.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Đỗ Văn H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị Đ vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Đỗ Văn H; biên bản làm việc với bà Nguyễn Thị N và biên bản lấy lời khai của các cháu T, H1 và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn anh Đỗ Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Nguyễn Thị Đ không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị Đ; Căn cứ vào Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt chị Đ là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83, 84 và khoản 2 điều 123; điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; điều 271; điều 273; điều 150; khoản 2 điều 479 BLTTDS; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn H. Xử:

Về hôn nhân: cho anh Đỗ Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ.

Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Thanh H1, sinh ngày 12/7/2008 và cháu Đỗ Hồng T, sinh ngày 26/4/2010 cho anh Đỗ Văn H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do anh H không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Đ thực hiện quyền này.

Về án phí: anh Đỗ Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: anh Đỗ Văn H là nguyên đơn là người Việt Nam, hiện đang sống ở Việt Nam có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với chị Nguyễn Thị Đ. Bị đơn chị Nguyễn Thị Đ là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang nhưng đang sống ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị Đ là bà Nguyễn Thị N, yêu cầu bà N cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Đ ở nước ngoài nhưng bà N vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị Đ cho Tòa án. Nhận thấy đây là trường

hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, căn cứ vào Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nguyễn Thị Đ hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 23304/QLXNC-P3 ngày 07/10/2024 của Cục Q-Bộ C), thì chị Đ đã nhiều lần xuất nhập cảnh, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 11/6/2024 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị Đ ở Việt Nam là: Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: anh Đỗ Văn H đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị Đ vắng mặt không có lý do. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về Hôn nhân: anh Đỗ Văn H và chị Nguyễn Thị Đ có đăng ký kết hôn ngày 22/5/2008 tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là thị trấn P), huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh H và chị Đ phát sinh mâu thuẫn, anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đ.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đỗ Văn H đối với chị Nguyễn Thị Đ. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh H và chị Đ về chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2022 thì chị Đ đi nước ngoài lao động, thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc với nhau, sau đó do mỗi vợ chồng sống ở một nơi nên xảy ra bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã cắt đứt liên lạc với nhau không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm giữa anh H và chị Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn H. Xử cho anh Đỗ Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ.

[5]. Về con chung: anh Đỗ Văn H và chị Nguyễn Thị Đ có 02 con chung là cháu Đỗ Thanh H1, sinh ngày 12/7/2008 và cháu Đỗ Hồng T, sinh ngày 26/4/2010. Ly hôn anh Đ đề nghị giao các con chung cho anh nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh H: Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị Đ đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Nguyễn Thị Đ từ khi đi nước ngoài đến nay thì hai cháu Đỗ Thanh H1 và cháu Đỗ Hồng T do anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, được đi học đầy đủ và các cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh Đỗ Văn H về nuôi con chung. Giao cho anh Đỗ Văn H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đỗ Thanh H1, sinh ngày 12/7/2008 và cháu Đỗ Hồng T, sinh ngày 26/4/2010 đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị Đ thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản, công nợ: anh Đỗ Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: anh Đỗ Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83, 84 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 điều 153; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Đỗ Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thanh H1, sinh ngày 12/7/2008 và cháu Đỗ Hồng T, sinh ngày 26/4/2010 cho anh Đỗ Văn H là người trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Đ thực hiện quyền này.

3.Về án phí: anh Đỗ Văn H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000090 ngày 08/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang (xác nhận anh Đỗ Văn H đã nộp đủ).

4.Về quyền kháng cáo bản án: anh Đỗ Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Nguyễn Thị Đ hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- Công thông tin điện tử TANDTC
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND thị trấn Phương Sơn, Lục Nam, Bắc Giang.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Chung